TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2025
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sol

2. Ông Nguyễn Quốc Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 207/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm 1993 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 217, ấp C, xã L, huyện C1, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Anh Duy Văn Tr1, sinh năm 1990 (Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ông Kh, xã Tân H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thùy Tr trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Duy Văn Tr1 kết hôn vào ngày 09/9/2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C1, tỉnh Long An vào ngày 30/10/2017. Thời gian đầu chị và anh Tr1 chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh Tr1 gặp nhiều áp lực, vợ chồng thường xuyên

mâu thuẫn, cãi vã với nhau, từ đó tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Tr1 không còn nữa, chị và anh Tr1 đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị và anh Tr1 đã không còn sống chung như vợ chồng từ khoảng tháng 02/2024 cho đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Tr1 không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Duy Văn Tr1.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh Duy Văn Tr1 có hai người con chung tên: Duy Ngọc Trang Ng, sinh ngày 20/12/2017 và Duy Hoàng Chí Nh, sinh ngày 06/11/2021; hiện cả hai con đang sống cùng chị tại số 217, ấp C, xã L, huyện C1, tỉnh Long An. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc hai con; chị yêu cầu anh Tr1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng) kể từ ngày Bản án hoặc Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống chị và anh Duy Văn Tr1 có tài sản chung nhưng chị và anh Tr1 tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Trong thời gian chung sống chị và anh Duy Văn Tr1 không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng anh chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Biên bản làm việc ngày 05/6/2025 bị đơn là anh Duy Văn Tr1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thùy Tr kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C1, tỉnh Long An vào năm 2017. Sau khi kết hôn anh và chị Tr chung sống hạnh phúc đến năm 2022 phì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh và chị Tr bất đồng với nhau về quan điểm, thường hay cự cãi nhau, anh và chị Tr đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Tr yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị Nguyễn Thị Thùy Tr có hai người con chung tên: Duy Ngọc Trang Ng, sinh ngày 20/12/2017 và Duy Hoàng Chí Nh, sinh ngày 06/11/2021; hiện cả hai con đang sống cùng chị Tr. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao cả hai người con cho chị Tr nuôi dưỡng, chăm sóc; anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng) kể từ ngày Bản án hoặc Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh và chị Nguyễn Thị Thùy Tr có tài sản chung nhưng anh và chị Tr tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Trong thời gian chung sống anh và chị Nguyễn Thị Thùy Tr không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng anh chị, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Thùy Tr và anh Duy Văn Tr1 là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Xin ly hôn", bị đơn có nơi cư trú tại ấp Ông Kh, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thùy Tr có mặt, bị đơn là anh Duy Văn Tr1 vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Tr1 theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy Tr và anh Duy Văn Tr1 tự nguyện tiến đến hôn nhân, căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C1, tỉnh Long An ký vào ngày 30/10/2017 nên đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh Tr1 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị Thùy Tr và anh Duy Văn Tr1 đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau, cả hai đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ khoảng năm 2023 cho đến nay; nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa nên chị Tr yêu cầu ly hôn và anh Tr1 đồng ý. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thùy Tr và anh Duy Văn Tr1 đã không còn, chị Tr yêu cầu ly hôn và anh Tr1 đồng ý, điều này cho thấy hôn nhân giữa chị Tr và anh Tr1 đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt

được, cả hai không muốn hàn gắn, níu kéo cuộc hôn nhân nên yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy Tr là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy Tr và anh Duy Văn Tr1 đều xác định trong thời gian chung sống chị Tr và anh Tr1 có hai người con chung tên: Duy Ngọc Trang Ng, sinh ngày 20/12/2017 và Duy Hoàng Chí Nh, sinh ngày 06/11/2021; hiện cả hai con đang sống cùng chị Tr tại số 217, ấp C, xã L, huyện C1, tỉnh Long An. Xét thấy, cháu Duy Ngọc Trang Ng có nguyện vọng được sống cùng mẹ là Nguyễn Thị Thùy Tr (Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của con ngày 30/5/2025), cháu Duy Hoàng Chí Nh còn nhỏ và hiện đang sống ổn định cùng với chị Tr, chị Tr và anh Tr1 đều thống nhất giao cả hai người con cho chị Tr nuôi dưỡng, chăm sóc nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Ng và cháu Nh cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thùy Tr yêu cầu anh Duy Văn Tr1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng) kể từ ngày Bản án hoặc Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và anh Tr1 đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên của chị Tr và anh Tr1.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thùy Tr và anh Duy Văn Tr1 đều xác định trong thời gian chung sống chị Tr và anh Tr1 có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ thu, nợ trả: Chị Nguyễn Thị Thùy Tr và anh Duy Văn Tr1 đều xác định trong thời gian chung sống chị Tr và anh Tr1 không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Duy Văn Tr1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy Tr. Chị Nguyễn Thị Thùy Tr được ly hôn với anh Duy Văn Tr1.

- Về con chung: Giao con chung tên Duy Ngọc Trang Ng, sinh ngày 20/12/2017 và Duy Hoàng Chí Nh, sinh ngày 06/11/2021 cho chị Nguyễn Thị Thùy Tr tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Anh Duy Văn Tr1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nguyễn Thị Thùy Tr.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Duy Văn Tr1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Duy Ngọc Trang Ng và Duy Hoàng Chí Nh mỗi tháng 2.000.000 đồng (Mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng) kể từ ngày Bản án của Tòa án giải quyết vụ án này có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung: Đương sự trình bày có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ thu, nợ trả: Đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thùy Tr phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019434 ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước. Anh Duy Văn Tr1 phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Chị Nguyễn Thị Thùy Tr có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Duy Văn Tr1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã L, huyện C1, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Ngọc Huyền